

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01 - 2025

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tám.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 557/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền T 1989

Hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ hiện nay: Số H đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Minh Đ 1984

Hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ hiện nay: Số H đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1 trình bày: Bà và ông Trần Minh Đ1 kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ vào ngày 08-07-2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Từ đầu năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có sự đồng cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Nhiều lần chị cố gắng hàn gắn cuộc hôn

nhân vì con nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Vợ chồng không còn sống chung nên tình cảm vợ chồng không còn, bà T cảm thấy sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Đ có hai con chung tên là Trần Thị Thúy H, sinh ngày 08-11-2008 và Trần M T1 sinh ngày 13-08-2015. Ngoài ra bà và ông Đ không có con nuôi. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 để ông Đ2 quyền nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Minh Đ1: Ông và bà T2 hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ vào ngày 08-07-2015. Ông xác nhận không có mâu thuẫn chỉ có mâu thuẫn về tài chính do ông chơi game bị mất tiền và có đi nhậu nên vợ chồng lời qua tiếng lại với nhau. Ông vẫn còn tình cảm với bà T3 muốn gia đình xa cách nhau nên ông không đồng ý ly hôn với bà T

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Đ6 hai con chung tên là Trần Thị Thúy H1 ngày 08-11-2008 và Trần M T1 sinh ngày 13-08-2015. Ngoài ra bà T6 ông Đ3 có con nuôi. Ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 để cho bà T4 trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà T6 ông Đ4 trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét con chung là cháu Trần Thị Thúy H1 ngày 08-11-2008 và Trần M T1 sinh ngày 13-08-2015. Cả hai cháu đã đủ trên 7 tuổi đều có nguyện vọng riêng, cháu H3 nguyện vọng ở với ông Đ5 T1 có nguyện vọng ở với bà T Do vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H4 cháu T1 của nguyên đơn và bị đơn. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng

xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H5 T có đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Minh Đ1, ông Đ có địa chỉ cư trú tại thành phố V xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T5 đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Minh Đ6 đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T6 ông Trần Minh Đ1 tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ vào ngày 08-07-2015 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên đơn bà T cho rằng do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chia sẻ cùng nhau. Do không thể tiếp tục sống chung với nhau, tình cảm của bà dành cho ông Đ không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc. Vợ chồng phải quan tâm, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau về mọi mặt. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà T6 ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà T7 cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T6 ông Đ có hai con chung tên là Trần Thị Thúy H1 ngày 08-11-2008 và Trần M T1 sinh ngày 13-08-2015. Ngoài ra bà T3 có con nuôi. Theo nguyện vọng của cháu H4 cháu T1 và theo nguyện vọng của bà T6 ông Đ Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 ông Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do vậy yêu cầu được nuôi con chung của bà T6 ông Đ7 hợp với nguyện vọng của cháu H4 cháu T1 nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T8 Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà T8 Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định

của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1 đối với bị đơn ông Trần Minh Đ1 về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H5 T được ly hôn với ông Trần Minh Đ1.

2. Về con chung: Có hai con chung tên là Trần Thị Thúy H1 ngày 08-11-2008 và Trần M T1 sinh ngày 13-08-2015. Ngoài ra bà Tông Đ8 không có con nuôi. Giao cháu Trần Thị Thúy H6 ông Trần Minh Đ1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần M T1 cho bà Nguyễn Thị Huyền T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Huyền T6 ông Trần Minh Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Huyền T6 ông Trần Minh Đ1 có quyền thăm và chăm sóc các con chung không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Huyền T1 phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004443 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Bà Nguyễn Thị Huyền T1 đã nộp xong án phí hôn nhân.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân p. Rạch Dừa;
- Tp. Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

